

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 72/2017/HNGĐ-ST
Ngày 19-12-2017
V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Khanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Thanh

Ông Trần Văn Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hà, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Trong ngày 19 tháng 12 năm 2017, tại Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 516/2017/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 11 năm 2017, về việc “Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 07 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Văn **B**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Tổ A, khóm B, phường C, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Bà Hồ Cẩm **T**, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Tổ X, khóm Y, phường Z, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Bùi Văn B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **B** và bà **T** chung sống với nhau vào năm 1990, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2009 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng có tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không được. Nay ông Bùi Văn **B** yêu cầu được ly hôn với bà Hồ Cẩm **T**.

- Về con chung: Vợ chồng có 05 con chung gồm: Bùi Thị Tú **Tr**, sinh ngày 12/01/1992; Bùi Bích **Th**, sinh ngày 23/7/1993; Bùi Hồng **N**, sinh ngày

26/11/1994; Bùi Nhã **Ph**, sinh ngày 16/6/1996; Bùi Thanh **Tu**, sinh ngày 29/4/1998. Hiện nay các con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Hồ Cẩm T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **T** thống nhất theo lời trình bày của ông **B** về hôn nhân không đăng ký kết hôn và về mâu thuẫn vợ chồng. Tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn lại được, nay bà Hồ Cẩm **T** đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Bùi Văn **B**.

- Về con chung: Vợ chồng có 05 con chung gồm: Bùi Thị Tú **Tr**, sinh ngày 12/01/1992; Bùi Bích **Th**, sinh ngày 23/7/1993; Bùi Hồng **N**, sinh ngày 26/11/1994; Bùi Nhã **Ph**, sinh ngày 16/6/1996; Bùi Thanh **Tu**, sinh ngày 29/4/1998. Hiện nay các con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên toà các đương sự không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới cho Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Ông Bùi Văn **B** có đơn yêu cầu ly hôn với bà Hồ Cẩm **T**, nhưng hôn nhân không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Bị đơn bà Hồ Cẩm **T** có nơi cư trú tại thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Về nội dung:

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Bùi Văn **B** và bà Hồ Cẩm **T** sống chung năm 1990, không có đăng ký kết hôn là hôn nhân không hợp pháp, vi phạm vào khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định về “Đăng ký kết hôn”.

Tại khoản 1 Điều 9 quy định như sau:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông **B** và bà **T** chung sống với nhau từ năm 1990, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mà vẫn sống chung với nhau như vợ chồng. Từ năm 2009, ông **B** và bà **T** do bất đồng quan điểm, xảy ra mâu thuẫn vợ chồng nên đã ly thân. Thời gian ly thân ông **B** và bà **T** có hàn gắn tình cảm nhưng không được, thể hiện vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông Bùi Văn **B** yêu cầu ly hôn với bà Hồ Cẩm **T** và bà **T** cũng đồng ý ly hôn với ông **B**. Do quan hệ hôn nhân giữa ông **B** và bà **T** không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Bùi Văn **B** và bà Hồ Cẩm **T**.

[4] *Về con chung*: Ông **B** và bà **T** thống nhất có 05 con chung gồm: Bùi Thị Tú **Tr**, sinh ngày 12/01/1992; Bùi Bích **Th**, sinh ngày 23/7/1993; Bùi Hồng **N**, sinh ngày 26/11/1994; Bùi Nhã **Ph**, sinh ngày 16/6/1996; Bùi Thanh **Tu**, sinh ngày 29/4/1998. Các con chung đã trưởng thành, ông **B** và bà **T** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[5] *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[6] *Về nợ chung*: Ông **B** và bà **T** xác nhận không có.

[7] *Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Ông Bùi Văn **B** phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bà Hồ Cẩm **T** không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Bùi Văn **B** và bà Hồ Cẩm **T**.

Về con chung: Ông **B** và bà **T** thống nhất có 05 con chung gồm: Bùi Thị Tú **Tr**, sinh ngày 12/01/1992; Bùi Bích **Th**, sinh ngày 23/7/1993; Bùi Hồng **N**, sinh ngày 26/11/1994; Bùi Nhã **Ph**, sinh ngày 16/6/1996; Bùi Thanh **Tu**, sinh ngày 29/4/1998. Các con chung đã trưởng thành. Ông **B** và bà **T** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, ông **B** và bà **T** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Về nợ chung: Ông **B** và bà **T** xác nhận không có.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Bùi Văn **B** phải chịu án phí về Hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số: 00420, ngày 07/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Ông **B** đã nộp đủ tiền án phí.

Bà Hồ Cẩm **T** không phải chịu án phí về Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- Đương sự;
- VKS ND Tp. Cao Lãnh;
- Chi cục THA DS Tp. Cao Lãnh;
- TAND Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Công Khanh